Chi tiết mã HS 3821.00.10

Mã HS	3821.00.10
Mô tả hàng hóa	Môi trường nuôi cấy đã điều chế để phát triển hoặc nuôi các vi sinh vật (kể cả các virút và các loại tương tự) hoặc tế bào của thực vật, người hoặc động vật / - Môi trường nuôi cấy đã điều chế để phát triển các vi sinh vật
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 19:06:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/38210010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5474
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5474
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5474
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5339
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5300
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5300
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5300
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5300
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5300
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5300
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5344
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5344

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5344
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5344
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5344
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5344
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5342
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5342
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5342
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5342
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5342
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5342
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5344
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5306
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5302
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5302
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5302
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5302
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5302
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5302
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5311
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5311
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5311
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5311
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5311
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5311
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5352
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5352

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5352
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5352
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5352
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5352
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5353
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5353
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5353
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5353
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5353
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5353
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5356
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5356
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5356
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5356
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5356
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5356
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5325
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5325
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5325
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5325
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5325
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5325
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5327
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5327
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5327
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5327

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5327
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5327
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5325
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5325
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5325
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5325
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5325
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5325
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5325
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5346
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5346
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5346
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5346
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5346
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5346
RCEP B	2022	2022	0	B!D5346
RCEP B	2023	2023	0	B!E5346
RCEP B	2024	2024	0	B!F5346
RCEP B	2025	2025	0	B!G5346
RCEP B	2026	2026	0	B!H5346
RCEP B	2027	2027	0	B!I5346
RCEP C	2022	2022	0	C!D5346
RCEP C	2023	2023	0	C!E5346
RCEP C	2024	2024	0	C!F5346
RCEP C	2025	2025	0	C!G5346
RCEP C	2026	2026	0	C!H5346

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5346
RCEP D	2022	2022	0	D!D5346
RCEP D	2023	2023	0	D!E5346
RCEP D	2024	2024	0	D!F5346
RCEP D	2025	2025	0	D!G5346
RCEP D	2026	2026	0	D!H5346
RCEP D	2027	2027	0	D!I5346
RCEP E	2022	2022	0	E!D5349
RCEP E	2023	2023	0	E!E5349
RCEP E	2024	2024	0	E!F5349
RCEP E	2025	2025	0	E!G5349
RCEP E	2026	2026	0	E!H5349
RCEP E	2027	2027	0	E!I5349
RCEP F	2022	2022	0	F!D5346
RCEP F	2023	2023	0	F!E5346
RCEP F	2024	2024	0	F!F5346
RCEP F	2025	2025	0	F!G5346
RCEP F	2026	2026	0	F!H5346
RCEP F	2027	2027	0	F!I5346
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4918
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4918
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4918
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4918

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3821.00 có 2 dòng thuế; dòng 3821.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Môi trường nuôi cấy đã điều chế để phát triển các vi sinh vật.	3821.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3821.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3821.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5474), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.